

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14570/BTC-QLBH
V/v chấp thuận đăng ký sản phẩm
bảo hiểm vật chất xe ô tô

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2018

Kính gửi: Công ty cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông

Trả lời Đơn đề ngày 19/07/2018 và hồ sơ, tài liệu kèm theo của Công ty cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông (Công ty) về việc đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận đăng ký sản phẩm bảo hiểm vật chất xe ô tô, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận đăng ký quy tắc, điều khoản, biểu phí sản phẩm bảo hiểm vật chất xe ô tô của Công ty (gửi kèm).

2. Thời điểm Công ty giao kết hợp đồng bảo hiểm vật chất xe ô tô theo quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn này kể từ ngày 01/01/2019 và thay thế quy tắc, điều khoản, biểu phí sản phẩm bảo hiểm vật chất xe ô tô của Công ty đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2696/BTC-QLBH ngày 27/02/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

3. Công ty phải thực hiện đúng và chịu trách nhiệm về tính chính xác, phù hợp với quy định pháp luật về quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm đã đăng ký với Bộ Tài chính. Trường hợp Công ty vi phạm sẽ bị xem xét xử lý theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28/8/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số (Nghị định số 98/2013/NĐ-CP) và Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 48/2018/NĐ-CP ngày 21/03/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2013/NĐ-CP.

4. Khi giao kết hợp đồng bảo hiểm, Công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, giải thích các quy tắc, điều khoản bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm.

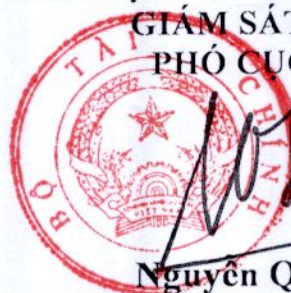
5. Công ty phải công bố các sản phẩm được phép triển khai theo quy định tại Khoản 7 Điều 39 Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ.

Bộ Tài chính thông báo để Công ty biết và thực hiện theo quy định pháp luật. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, QLBH. (5)

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ,
GIÁM SÁT BẢO HIỂM
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Quang Huyền

QUY TẮC BẢO HIỂM VẬT CHẤT XE Ô TÔ

(Quy tắc, điều khoản, biểu phí và điều khoản bổ sung sản phẩm bảo hiểm vật chất xe ô tô ban hành kèm Công văn số 14570/BTC-QLBH ngày 22/11/2018 của Bộ Tài chính)

Trên cơ sở Giấy yêu cầu tham gia bảo hiểm của Chủ xe/Người đại diện và phí bảo hiểm Chủ xe đã thanh toán theo quy định, Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Viễn Đông (dưới đây gọi là VASS) nhận bảo hiểm theo các điều kiện, điều khoản quy định trong Quy tắc bảo hiểm này.

PHẦN I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

1. “Chủ xe”: là tổ chức, cá nhân sở hữu xe ô tô hoặc được chủ sở hữu xe ô tô giao chiếm hữu, sử dụng hợp pháp xe ô tô; hoặc cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu thực tế chưa làm thủ tục đăng ký theo quy định nhưng có Hợp đồng mua bán.
2. “Bên mua bảo hiểm”: là tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng bảo hiểm với VASS và đóng phí bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm có thể đồng thời là người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng.
3. “Xe ô tô”: bao gồm xe ô tô con, xe bán tải, xe tải, xe khách, xe buýt, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô đầu kéo.... Không bao gồm xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe đạp điện, xe máy điện và các loại xe tương tự.
4. “Giá thị trường” là giá mua bán trung bình của chiếc xe tương tự cùng năm sản xuất, cùng hãng sản xuất, cùng mẫu xe (model), cùng số km lăn bánh, cùng mục đích sử dụng được chào bán trên thị trường ngay tại thời điểm xác định giá thị trường của xe.
5. “Phí bảo hiểm”: là khoản tiền mà bên mua bảo hiểm phải đóng cho VASS theo thời hạn và phương thức do các bên thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

PHẦN II. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm vật chất xe ô tô là sự thỏa thuận giữa chủ xe và VASS, theo đó chủ xe phải đóng đủ phí bảo hiểm, VASS phải bồi thường cho chủ xe khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Hợp đồng bảo hiểm phải được lập thành văn bản, bao gồm: Quy tắc; Điều khoản; Biểu phí bảo hiểm; Thông tin yêu cầu bảo hiểm hợp pháp của chủ xe hoặc người đại diện hợp pháp của chủ xe; Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm là bằng chứng của việc giao kết hợp đồng bảo hiểm; Sửa đổi bổ sung và các thỏa thuận khác (nếu có).

Điều 2. Thời hạn bảo hiểm

1. Thời hạn bảo hiểm bắt đầu và kết thúc được ghi trên Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm.
2. Trường hợp chuyển quyền sở hữu xe được bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên có hiệu lực đối với chủ xe mới trừ trường hợp chủ xe cũ yêu cầu chấm dứt hợp đồng bảo hiểm.

Điều 3. Chấm dứt hợp đồng bảo hiểm

1. Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt trong trường hợp chủ xe không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm đã thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm giao kết ban đầu và VASS không có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí theo quy định của pháp luật.

Chủ xe phải có nghĩa vụ đóng đầy đủ phí bảo hiểm được quy định tại hợp đồng bảo hiểm. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực, VASS hoàn lại cho chủ xe phần phí bảo hiểm đã đóng thừa (nếu có) hoặc yêu cầu chủ xe đóng đủ phí bảo hiểm đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm. VASS không phải hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm và VASS đã bồi thường/trả tiền bảo hiểm.

Nếu được VASS chấp nhận, Hợp đồng bảo hiểm sẽ có hiệu lực kể từ thời điểm chủ xe đóng đủ phí bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm.

2. Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm:

Trong thời hạn bảo hiểm, một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm theo quy định pháp luật bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên kia.

Trường hợp chủ xe chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trước hạn phải thông báo bằng văn bản cho VASS. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của chủ xe, VASS phải hoàn lại cho chủ xe 70% phí bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm. VASS không phải hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Trường hợp VASS đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày VASS thông báo bằng văn bản cho chủ xe, VASS phải hoàn lại phí bảo hiểm cho chủ xe tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của VASS

1. VASS có quyền:

- 1.1. Thu phí bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm;
- 1.2. Yêu cầu chủ xe cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin liên quan đến việc giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm;
- 1.3. Từ chối bồi thường cho người được bảo hiểm trong trường hợp không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm hoặc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm;
- 1.4. Yêu cầu bên mua bảo hiểm áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của pháp luật có liên quan;
- 1.5. Yêu cầu người thứ ba bồi hoàn số tiền mà VASS đã bồi thường cho người được bảo hiểm do người thứ ba gây ra đối với chiếc xe ô tô được bảo hiểm;
- 1.6. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. VASS có nghĩa vụ:

- 2.1. Giải thích cho chủ xe/bên mua bảo hiểm về quy tắc, điều khoản, phí bảo hiểm; quyền lợi và trách nhiệm của chủ xe/bên mua bảo hiểm/người được bảo hiểm khi tham gia bảo hiểm;
- 2.2. Cấp cho bên mua bảo hiểm hợp đồng bảo hiểm/giấy chứng nhận bảo hiểm sau khi giao kết hợp đồng bảo hiểm;
- 2.3. Trả tiền bồi thường bảo hiểm trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ; không quá 45 ngày trong trường hợp VASS phải tiến hành xác minh hồ sơ. Trong trường hợp VASS không đủ thẩm quyền để xác minh các yếu tố trong hồ sơ thì hồ sơ bồi thường được coi là đầy đủ và hợp lệ sau khi có kết luận chính thức của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Sau 90 ngày kể từ ngày VASS có văn bản đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xác minh mà chưa có kết quả xác minh thì VASS chủ động tiến hành xác minh, xem xét giải quyết bồi thường trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thu thập được;
- 2.4. Trường hợp từ chối bồi thường, VASS phải giải thích bằng văn bản lý do từ chối bồi thường trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày VASS nhận được đầy đủ hồ sơ bồi thường hợp lệ;
- 2.5. Đối với những vụ tổn thất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, khi có yêu cầu của chủ xe/người điều khiển xe, VASS sẽ phối hợp giải quyết ngay và khi đã xác định trách nhiệm thuộc phạm vi bảo hiểm có thể tạm ứng ngay một phần những chi phí cần thiết nhằm khắc phục hậu quả tổn thất.
- 2.6. VASS có trách nhiệm hướng dẫn chủ xe/người điều khiển xe bên mua bảo hiểm thu thập tài liệu để lập hồ sơ bồi thường theo quy định tại Điều 7 quy tắc này.

2.7. VASS có trách nhiệm đánh giá lại rủi ro và định phí bảo hiểm trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo thay đổi các yếu tố liên quan đến rủi ro của xe được bảo hiểm và có trách nhiệm hoàn phí hoặc thu thêm phí theo tỷ lệ tương ứng với thời hạn còn lại của hợp đồng bảo hiểm

2.8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm

1. Bên mua bảo hiểm có quyền:

- 1.1. Yêu cầu VASS giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm; cấp hợp đồng bảo hiểm;
- 1.2. Yêu cầu VASS bồi thường cho người được bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;
- 1.3. Chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm hoặc theo quy định của pháp luật;
- 1.4. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ:

- 2.1. Đóng phí bảo hiểm đầy đủ, theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm;
- 2.2. Khi yêu cầu bảo hiểm, chủ xe hoặc người đại diện, phải kê khai đầy đủ, trung thực những nội dung yêu cầu bảo hiểm theo mẫu của VASS;
- 2.3. Tạo điều kiện thuận lợi để VASS xem xét tình trạng xe trước khi cấp hợp đồng bảo hiểm;
- 2.4. Trường hợp thay đổi mức độ rủi ro được bảo hiểm dẫn đến những yếu tố làm thay đổi cơ sở tính phí bảo hiểm, chủ xe phải thông báo cho VASS trong vòng 15 ngày kể từ ngày có sự thay đổi đó (ví dụ: thay đổi mục đích sử dụng, kết cấu xe, phạm vi hoạt động...);

2.4.1. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến giảm các rủi ro được bảo hiểm thì chủ xe có quyền yêu cầu VASS giảm phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm. Trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu giảm phí của chủ xe, VASS phải có công văn, văn bản trả lời chủ xe về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc giảm phí và thời hạn hoàn trả phí bảo hiểm được giảm.

Trong trường hợp VASS không chấp nhận giảm phí bảo hiểm thì chủ xe có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Quy tắc này.

2.4.2. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm thì VASS có quyền tính lại phí bảo hiểm hoặc không chấp thuận bảo hiểm khi rủi ro tăng lên cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp chủ xe không chấp nhận tăng phí bảo hiểm thì VASS có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Quy tắc này.

2.5. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.

2.6. Khi xảy ra tổn thất, chủ xe/người điều khiển xe phải có trách nhiệm:

2.6.1. Thông báo ngay cho VASS để phối hợp giải quyết, tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tổn thất; đồng thời thông báo ngay cho cơ quan Công an và hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất (trừ trường hợp bất khả kháng);

2.6.2. Không được di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của VASS; trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2.6.3. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng), chủ xe phải thông báo tổn thất bằng văn bản cho VASS.

- 2.7. Chủ xe phải trung thực trong việc thu thập, cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường và tạo điều kiện thuận lợi cho VASS trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó.
- 2.8. Trường hợp tổn thất xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của Người thứ ba, chủ xe phải thực hiện đúng theo các hướng dẫn của VASS để bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho VASS kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, tài liệu cần thiết và hợp tác chặt chẽ với VASS để đòi lại người thứ ba trong phạm vi số tiền đã hoặc sẽ được VASS bồi thường.
- 2.9. Đối với các thiệt hại dẫn đến phải thay thế và được VASS chấp thuận bồi thường, chủ xe sau khi thực hiện xong công việc thay thế phải có trách nhiệm bàn giao tài sản đã được thay thế cho VASS.
- 2.10. Khi xe ô tô bị mất trộm, mất cướp toàn bộ, chủ xe phải thông báo ngay cho cơ quan công an và VASS để xử lý và thực hiện các công việc theo hướng dẫn của cơ quan công an và VASS.
- 2.11. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Giám định tổn thất

1. Khi xảy ra tổn thất, VASS hoặc người được VASS ủy quyền sẽ tiến hành giám định các tổn thất về tài sản với sự có mặt của chủ xe/người điều khiển xe, các bên có liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của các bên có liên quan nhằm xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất. Kết quả giám định phải lập thành văn bản có chữ ký của các bên liên quan. VASS chịu trách nhiệm về chi phí giám định.
2. Trường hợp chủ xe/người điều khiển xe không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại do VASS xác định, hai bên thỏa thuận chọn cơ quan giám định độc lập thực hiện việc giám định. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được việc trưng cầu giám định độc lập thì một trong các bên được quyền khởi kiện tại Tòa án nơi xảy ra tổn thất hoặc nơi cư trú của chủ xe/người điều khiển xe để chỉ định giám định độc lập. Kết luận bằng văn bản của giám định độc lập có giá trị bắt buộc đối với các bên.
3. Trường hợp kết luận của giám định độc lập khác với kết luận giám định của VASS, VASS phải trả chi phí giám định độc lập. Trường hợp kết luận của giám định độc lập trùng với kết luận giám định của VASS, chủ xe/người điều khiển xe phải trả chi phí giám định độc lập.
4. Trong trường hợp đặc biệt, VASS không thể thực hiện được việc giám định thì VASS có trách nhiệm hướng dẫn chủ xe/người điều khiển xe thu thập đầy đủ thông tin chi tiết về nguyên nhân, diễn biến, mức độ thiệt hại cùng các chứng từ, ảnh chụp thiệt hại và tài liệu liên quan để làm căn cứ xác định bồi thường.

Điều 7. Hồ sơ bồi thường

Đối với từng vụ việc cụ thể thì Hồ sơ bồi thường bao gồm một hoặc nhiều loại tài liệu sau:

1. Tài liệu do chủ xe cung cấp:
 - 1.1. Thông báo tổn thất và yêu cầu bồi thường của chủ xe (theo mẫu của VASS);
 - 1.2. Tài liệu liên quan đến xe, người điều khiển xe (bản sao có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản photocopy có xác nhận của nhân viên VASS sau khi đã đối chiếu với bản chính) như sau:
 - a) Giấy chứng nhận bảo hiểm và/hoặc Hợp đồng bảo hiểm và các thỏa thuận khác bằng văn bản (nếu có);
 - b) Giấy đăng ký xe, Giấy phép lái xe hợp lệ của người điều khiển xe bị tổn thất;
 - c) Các giấy tờ liên quan đến mua bán, chuyển nhượng, cho, tặng, ủy quyền sử dụng xe (nếu có);

- d) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ (trừ trường hợp xe lưu hành tạm thời có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc hoạt động trong thời gian thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm định lần đầu tiên tại Việt Nam).

1.3. Tài liệu chứng minh thiệt hại về tài sản, bao gồm:

- a) Hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại;
b) Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà chủ xe đã chi ra để giảm thiểu tổn thất hay để thực hiện theo chỉ dẫn của VASS.

1.4. Biên bản thỏa thuận/hòa giải (trong trường hợp hòa giải);

1.5. Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực của Tòa án (nếu có);

1.6. Các tài liệu cần thiết để chuyển quyền cho VASS đòi bồi thường từ bên gây thiệt hại cho xe được bảo hiểm mà chủ xe đã được VASS giải quyết bồi thường thiệt hại này (trong trường hợp đòi người thứ ba).

2. Tài liệu do VASS phối hợp với chủ xe để thu thập:

2.1. Bản sao có xác nhận của cơ quan công an trong trường hợp tai nạn có sự tham gia giải quyết của cơ quan công an, bao gồm:

- a) Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn (nếu có);
b) Sơ đồ hiện trường tai nạn, bản ảnh (nếu có);
c) Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn (nếu có);
d) Thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn (nếu có);
e) Biên bản giải quyết tai nạn (nếu có); Bản kết luận điều tra tai nạn (nếu có);
f) Biên bản thỏa thuận/hòa giải (trong trường hợp hòa giải).

2.2. Các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba (nếu có).

2.3. Biên bản giám định thiệt hại được các bên thống nhất.

3. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

4. Trường hợp xe bị mất trộm, mất cướp toàn bộ:

- Đơn trình báo mất trộm, mất cướp với cơ quan công an có xác nhận của cơ quan công an;
- Quyết định khởi tố và điều tra hình sự (nếu có) liên quan đến mất trộm, mất cướp ô tô được bảo hiểm;
- Quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ khởi tố vụ án hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp ô tô được bảo hiểm (nếu có);
- Khai báo bị mất giấy tờ, tài liệu liên quan đến xe bị mất cắp, mất cướp khi để trên xe có xác nhận của cơ quan công an (nếu có).

Điều 8. Bảo hiểm trùng

Hợp đồng bảo hiểm trùng là trường hợp bên mua bảo hiểm giao kết hợp đồng bảo hiểm với hai doanh nghiệp bảo hiểm trở lên để bảo hiểm cho cùng một đối tượng, với cùng điều kiện và sự kiện bảo hiểm. Tổng số tiền bồi thường của các Giấy chứng nhận bảo hiểm/hợp đồng bảo hiểm không vượt quá tổng số tiền thiệt hại thực tế của xe cơ giới. Việc giải quyết bồi thường thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Đối với những điều kiện bảo hiểm trùng của các hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm: VASS chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm đã thỏa thuận trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các hợp đồng mà chủ xe đã tham gia bảo hiểm.
2. Đối với những điều kiện bảo hiểm không trùng nhau của các Giấy chứng nhận bảo hiểm/hợp đồng bảo hiểm, VASS chịu trách nhiệm bồi thường theo từng hợp đồng bảo hiểm đã ký kết.

Điều 9. Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện

1. Thời hạn yêu cầu bồi thường là 01 năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường.
2. Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng bảo hiểm là 03 năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp từ hợp đồng bảo hiểm.
3. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm, nếu VASS và chủ xe không giải quyết được bằng thương lượng sẽ được đưa ra Tòa án tại Việt Nam giải quyết.

PHẦN II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 10. Phạm vi bảo hiểm

1. VASS chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ xe cơ giới những thiệt hại vật chất do thiên tai, tai nạn bất ngờ, không lường trước được trong những trường hợp sau:
 - 1.1. Đâm, va (bao gồm cả va chạm với vật thể khác ngoài xe cơ giới), lật, đổ, chìm, rơi toàn bộ xe, bị các vật thể khác rơi vào;
 - 1.2. Hỏa hoạn, cháy, nổ;
 - 1.3. Những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên;
 - 1.4. Mất toàn bộ xe do trộm, cướp.
2. Ngoài số tiền bồi thường, VASS còn hoàn trả cho chủ xe cơ giới những chi phí cần thiết và hợp lý theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm để thực hiện các công việc theo yêu cầu và chỉ dẫn của VASS khi xảy ra tổn thất (thuộc phạm vi bảo hiểm), bao gồm các chi phí:
 - 2.1. Chi phí ngăn ngừa hạn chế tổn thất phát sinh thêm;
 - 2.2. Chi phí cứu hộ và vận chuyển xe bị thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất tối đa không vượt quá 10% số tiền bảo hiểm.

Điều 11: Loại trừ bảo hiểm

VASS không chịu trách nhiệm bồi thường bảo hiểm trong các trường hợp sau:

1. Hành động cố ý gây thiệt hại của chủ xe, người điều khiển xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác và sử dụng xe;
2. Tại thời điểm xe tham gia giao thông xảy ra tổn thất, thiệt hại, xe không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ theo quy định của pháp luật hiện hành (trừ trường hợp bên mua bảo hiểm có nhu cầu tham gia bảo hiểm điều khoản bảo hiểm bổ sung và đã đóng phí bảo hiểm);
3. Người điều khiển xe không có Giấy phép lái xe hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe cơ giới bắt buộc phải có Giấy phép lái xe. Trường hợp người điều khiển xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc không thời hạn thì được coi là không có Giấy phép lái xe;
4. Người điều khiển xe trong tình trạng có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở, sử dụng ma túy và chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật;
5. Xe đi vào đường cấm, khu vực cấm, đường ngược chiều, rẽ, quay đầu tại nơi bị cấm, vượt đèn đỏ hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, xe đi đêm không có thiết bị chiếu sáng theo quy định;
6. Đua xe (hợp pháp hoặc trái phép); xe được bảo hiểm dùng để kéo xe khác không tuân thủ quy định của pháp luật;
7. Xe chờ hàng trái phép theo quy định của pháp luật;
8. Tổn thất xảy ra ngoài lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam (trừ trường hợp bên mua bảo hiểm có nhu cầu tham gia bảo hiểm điều khoản bảo hiểm bổ sung và đã đóng phí bảo hiểm);
9. Tổn thất xảy ra trong những trường hợp: chiến tranh, khủng bố;

10. Tổn thất do hao mòn tự nhiên hoặc do bản chất vốn có của tài sản, giảm giá trị thương mại, hỏng hóc do khuyết tật hoặc hỏng hóc thêm do sửa chữa, trong quá trình sửa chữa (bao gồm cả chạy thử);
11. Tổn thất của động cơ khi xe hoạt động trong khu vực bị ngập nước (trừ trường hợp bên mua bảo hiểm có nhu cầu tham gia bảo hiểm điều khoản bảo hiểm bổ sung và đã đóng phí bảo hiểm);
12. Tổn thất đối với sầm lốp, bạt thùng xe, nhãn mác trừ trường hợp tổn thất xảy ra do cùng một nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe trong cùng một vụ tai nạn;
13. Mất bộ phận của xe do bị trộm hoặc bị cướp (trừ trường hợp bên mua bảo hiểm có nhu cầu tham gia bảo hiểm điều khoản bảo hiểm bổ sung và đã đóng phí bảo hiểm);
14. Mất toàn bộ xe trong trường hợp lừa đảo hoặc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe (xe cho thuê hoặc xe cho mượn hoặc siết nợ hoặc tranh chấp);
15. Thiệt hại xảy ra đối với máy móc, dụng cụ điện hay các bộ phận của thiết bị điện do chạy quá tải, quá áp lực, đoản mạch, tự đốt nóng, hồ quang điện hay rò điện do bất kỳ nguyên nhân nào;
16. Xe chở quá tải trọng hoặc quá số lượng người từ 50% trở lên (không bao gồm trẻ em dưới 07 tuổi) theo quy định trên giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (đối với xe chở hàng căn cứ vào tải trọng, xe chở người căn cứ vào số người chở trên xe, đối xe vừa chở người vừa chở hàng căn cứ vào tải trọng hoặc số người chở trên xe);
17. Tổn thất về các thiết bị chuyên dùng trên xe cơ giới và tổn thất về xe cơ giới do hoạt động (trong mọi trường hợp) của các thiết bị chuyên dùng của chính xe cơ giới gây ra trừ trường hợp bên mua bảo hiểm có nhu cầu tham gia bảo hiểm điều khoản bảo hiểm bổ sung và đã đóng phí bảo hiểm;
18. Tổn thất các thiết bị lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp (không bao gồm các thiết bị mang tính chất bảo vệ cho xe: hệ thống báo động, cản trước, cản sau) và tổn thất về xe cơ giới do các thiết bị lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp gây ra (trừ khi có thỏa thuận khác).

Điều 12. Số tiền bảo hiểm và giá trị bảo hiểm (giá thị trường)

1. Số tiền bảo hiểm là số tiền mà chủ xe cơ giới yêu cầu VASS bảo hiểm cho xe của mình và được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm và không lớn hơn giá trị thị trường của xe.
2. Chủ xe cơ giới có thể thỏa thuận tham gia bảo hiểm bằng hoặc thấp hơn giá trị thị trường của xe.
3. VASS xác định giá trị của xe tham gia bảo hiểm như sau:
 - 3.1. Đối với xe mới (100%), giá trị của xe là giá bán xe do các hãng sản xuất trong nước công bố tại thị trường Việt Nam, hoặc giá xe nhập khẩu đã bao gồm tất cả các loại thuế theo quy định của Nhà nước.
 - 3.2. Đối với xe ô tô đã qua sử dụng, giá trị của xe là giá xe mua bán trên thị trường của xe cùng chủng loại (cùng hãng sản xuất, mẫu xe, dung tích xi lanh, năm sản xuất).

Điều 13. Bồi thường bảo hiểm

Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, chủ xe chỉ được sửa chữa, thay thế tại cơ sở do VASS chỉ định trừ trường hợp bên mua bảo hiểm có nhu cầu tham gia bảo hiểm điều khoản bảo hiểm bổ sung và đã đóng phí bảo hiểm.

1. Bồi thường tổn thất bộ phận
 - 1.1. VASS chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế hợp lý để sửa chữa, thay thế (trường hợp không thể sửa chữa được) bộ phận hoặc trả bằng tiền cho chủ xe cơ giới để bù đắp tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm trên cơ sở xác định được chi phí hợp lý để sửa chữa, khắc phục tổn thất có thể phải trả sau khi áp dụng mức khấu trừ (nếu có).

1.2. Cách xác định số tiền bồi thường:

- a. Trường hợp xe được bảo hiểm dưới giá trị, số tiền bồi thường sẽ được tính theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị thực tế của xe tại thời điểm tham gia bảo hiểm;
- b. Trường hợp xe được bảo hiểm bằng hoặc trên giá trị, số tiền bồi thường bằng chi phí hợp lý để phục hồi, sửa chữa xe bị tổn thất.
- c. Cách xác định chi phí hợp lý cho bộ phận hư hỏng phải thay thế mới được tính bằng chi phí thay thế thực tế trừ đi số tiền khấu hao (trừ trường hợp có thỏa thuận bảo hiểm bổ sung bồi thường không áp dụng khấu hao thay mới), cụ thể như sau:
 - Xe sử dụng đến dưới 3 năm: khấu hao 0%
 - Xe sử dụng từ 3 năm đến dưới 6 năm: khấu hao 15% giá trị bộ phận thay mới.
 - Xe sử dụng từ 6 năm đến dưới 10 năm: khấu hao 25% giá trị bộ phận thay mới.
 - Xe sử dụng từ 10 năm đến 15 năm: khấu hao 35% giá trị bộ phận thay mới.
 - Xe sử dụng trên 15 năm: khấu hao 50% giá trị bộ phận thay mới.
 - Đối với các loại xe đầu kéo, Taxi, xe cho thuê tự lái, xe khách liên tỉnh: Mức tính khấu hao tất cả các bộ phận là 150% so với các mức khấu hao trên. Đối với những xe sử dụng từ 1 năm đến 3 năm áp dụng khấu hao 15%. Đối với những xe sử dụng dưới 1 năm không tính khấu hao.
 - Một số bộ phận như: Săm lốp, ắc quy, bạt phủ (thùng xe tải) hoặc những bộ phận thay thế theo định kỳ như: Gioăng, phốt, lọc gió, lọc dầu, lọc xăng, vòng bi ... phải giảm trừ phần trăm giá trị đã sử dụng, nhưng tối đa không quá 50% giá trị thay mới (không áp dụng đối với điều khoản bổ sung ĐKBS04-XCG).

1.3. VASS bồi thường chi phí sơn lại toàn bộ xe nếu trên 50% diện tích sơn của xe bị hư hỏng do tổn thất và theo nguyên tắc tính bồi thường quy định tại mục 1.2 Điều 13 Quy tắc này.

2. Bồi thường tổn thất toàn bộ

- 2.1. VASS bồi thường tổn thất toàn bộ trong trường hợp xe bị thiệt hại trên 75% giá trị thực tế; hoặc chi phí sửa chữa thiệt hại bằng hoặc trên 75% giá trị thực tế của xe tại thời điểm trước khi xảy ra tổn thất.
- 2.2. VASS có trách nhiệm bồi thường tổn thất toàn bộ xe bị mất trộm, mất cướp khi có kết luận của cơ quan công an đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ khởi tố hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp của chính chiếc xe đó.
- 2.3. Số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ bằng giá trị thực tế của xe tại thời điểm xảy ra tổn thất cùng chủng loại và thông số kỹ thuật và không vượt quá số tiền ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc Hợp đồng bảo hiểm:
 - Trường hợp xe được bảo hiểm bằng hoặc dưới giá trị thực tế của xe, VASS sẽ bồi thường cho chủ xe toàn bộ số tiền ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm;
 - Trường hợp xe được bảo hiểm trên giá trị thực tế của xe, VASS sẽ bồi thường cho chủ xe số tiền bằng giá trị thực tế của xe tại thời điểm xảy ra tổn thất.

3. Thu hồi tài sản sau bồi thường

Khi VASS đã bồi thường tổn thất bộ phận hoặc toàn bộ xe thì bộ phận hư hỏng hoặc toàn bộ xe đó thuộc quyền sở hữu của VASS, cụ thể:

- 3.1. Đối với trường hợp bồi thường thay mới bộ phận, VASS sẽ thu hồi bộ phận hư hỏng đã được trả tiền bồi thường thay mới (kể cả trường hợp trừ khấu hao).
- 3.2. Đối với trường hợp bồi thường tổn thất toàn bộ, sau khi VASS đã bồi thường toàn bộ xe thì toàn bộ giá trị thu hồi chiếc xe bị tổn thất thuộc sở hữu của VASS. Trường hợp tham gia bảo hiểm dưới giá trị thì VASS thu hồi phần giá trị tương đương theo tỷ lệ tham gia bảo hiểm. Trường hợp chủ xe có yêu cầu nhận lại chiếc xe bị tổn thất toàn

bộ, VASS sẽ giảm số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ tương đương giá trị thu hồi chiếc xe bị tổn thất theo định giá của VASS.

- 3.3. Đối với trường hợp bồi thường xe bị mất trộm, mất cướp sau đó tìm được xe bị mất trộm, mất cướp thì VASS được quyền sở hữu toàn bộ chiếc xe đó.

Điều 14. Mức khấu trừ

Mức khấu trừ là số tiền được ấn định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm và Hợp đồng bảo hiểm mà người được bảo hiểm phải tự gánh chịu trong mỗi và mọi vụ tổn thất bộ phận của xe tham gia bảo hiểm vật chất xe tại VASS. VASS áp dụng mức khấu trừ tối thiểu là 500.000 (năm trăm ngàn) đồng/vụ.

Điều 15. Giảm trừ bồi thường

1. VASS thực hiện giảm mức bồi thường theo tỷ lệ trong một số trường hợp sau đây:

1.1. Giảm 10% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:

- a. Chủ xe không gửi Thông báo tổn thất (bằng văn bản) cho VASS trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đã được VASS giám định thiệt hại trong thời gian này);
- b. Chủ xe/người điều khiển xe không thực hiện đầy đủ các biện pháp cứu chữa, hạn chế thiệt hại về tài sản, bảo vệ hiện trường tổn thất trừ trường hợp di chuyển để đảm bảo an toàn hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan chức năng, không thông báo ngay cho cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất; không thông báo ngay cho VASS;
- c. Chủ xe/người điều khiển xe đỗ trên địa hình dốc nhưng không sử dụng hệ thống phanh, chèn bánh để xe tự trôi gây tổn thất.

1.2. Giảm 25% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:

- a. Chủ xe/người điều khiển xe tự ý tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của VASS (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc sau 15 ngày sau khi VASS giám định và xác định trách nhiệm phạm vi bảo hiểm mà không tiến hành sửa chữa tài sản tổn thất);
- b. Người điều khiển xe vượt quá tốc độ cho phép và có kết luận bằng văn bản của cơ quan chức năng xác định vượt quá từ 20% trở lên;

1.3. Giảm trừ từ 50% đến 99% đối với trường hợp chủ xe/người điều khiển xe không tạo điều kiện thuận lợi cho VASS trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường.

1.4. Giảm đến 100% số tiền bồi thường tùy theo mức độ lỗi của chủ xe/người điều khiển xe trong các trường hợp sau:

- a. Chủ xe/người điều khiển xe không bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi người thứ ba cho VASS kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ tài liệu cần thiết, không hợp tác chặt chẽ với VASS để đòi lại người thứ ba hoặc tự động thỏa thuận bồi thường với người thứ ba gây thiệt hại cho VASS;
- b. Chủ xe/người điều khiển xe không trung thực trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường.

1.5. Giảm số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ % chở quá trọng tải, số người (từ trên 20% đến 50%) theo quy định trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

1.6. Giảm số tiền bồi thường theo tỷ lệ giữa số phí thực nộp và số phí phải nộp theo quy định trong trường hợp:

- a. Chủ xe/người đại diện kê khai giấy yêu cầu bảo hiểm sai (không đúng mục đích sử dụng của xe) làm thu thiếu phí bảo hiểm so với quy định;

- b. Chủ xe không thông báo cho VASS trong trường hợp có sự gia tăng mức độ rủi ro bảo hiểm để bổ sung phí bảo hiểm (như chuyển đổi mục đích sử dụng, hoán cải, nâng cấp làm tăng giá xe).

2. Nguyên tắc giảm trừ số tiền bồi thường

Khi chủ xe cơ giới bị giảm trừ số tiền bồi thường theo nhiều tỷ lệ khác nhau cho các hành vi vi phạm khác nhau, VASS sẽ lựa chọn áp dụng duy nhất một loại giảm trừ số tiền bồi thường theo tỷ lệ cao nhất.

PHỤ LỤC 01

CÁC ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM BỔ SUNG

Chủ xe cơ giới có quyền lựa chọn tham gia thêm một hay nhiều điều khoản bảo hiểm bổ sung được quy định trong Quy tắc bảo hiểm. Điều khoản bảo hiểm bổ sung phải tuân theo các điều khoản, điều kiện và các điểm loại trừ quy định của Quy tắc bảo hiểm.

Ngoài các điều kiện riêng trong từng điều khoản bảo hiểm bổ sung, chủ xe cơ giới khi tham gia điều khoản bảo hiểm bổ sung phải đáp ứng các điều kiện sau: (không áp dụng cho ĐKBS07 và ĐKBS 09)

- + Chủ xe cơ giới phải đang tham gia bảo hiểm vật chất xe còn thời hạn bảo hiểm tại VASS;
- + Thời hạn bảo hiểm bổ sung không vượt quá thời hạn bảo hiểm vật chất xe đang còn hiệu lực.

Trên cơ sở Chủ xe cơ giới yêu cầu và đã đóng thêm phí bảo hiểm theo quy định, VASS nhận bảo hiểm bổ sung vào Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm các điều khoản bảo hiểm bổ sung riêng biệt sau đây:

1. ĐKBS01-XCG: Bảo hiểm thay thế mới (bảo hiểm mới thay cũ)

a. Điều kiện xe tham gia bảo hiểm:

- Xe có thời gian sử dụng từ 3 năm đến dưới 10 năm kể từ năm sản xuất;

b. Quyền lợi bảo hiểm:

VASS sẽ bồi thường các bộ phận bị hư hỏng cần phải thay thế thuộc phạm vi bảo hiểm mà không trừ phần hao mòn (khấu hao) sử dụng.

2. ĐKBS02-XCG: Bảo hiểm lựa chọn cơ sở sửa chữa

a. Điều kiện xe tham gia bảo hiểm:

- Xe có thời gian sử dụng dưới 10 năm kể từ năm sản xuất;

b. Quyền lợi bảo hiểm:

VASS đồng ý cơ sở sửa chữa Garage chính hãng hoặc Garage ngoài theo lựa chọn của chủ xe (ngoại trừ trường hợp chọn Garage chính hãng của hãng xe khác VASS chỉ chịu chi phí sửa chữa tối đa bằng Garage chính hãng của chiếc xe tham gia bảo hiểm).

3. ĐKBS03-XCG: Bảo hiểm xe bị mất trộm, cướp bộ phận

a. Phạm vi bảo hiểm: Xe bị mất trộm, cướp bộ phận.

b. Quyền lợi bảo hiểm:

- VASS trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế, hợp lý để thay thế bộ phận bị mất trộm, cướp hoặc trả bằng tiền cho chủ xe cơ giới để bù đắp tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm trên cơ sở xác định được chi phí khắc phục tổn thất có thể phải trả.
- Giới hạn số lần mất trộm/cướp: 01 lần cho mỗi bộ phận và không quá 02 bộ phận của 01 xe đối với hợp đồng bảo hiểm có thời hạn đến 1 năm.

c. Mức miễn thường tối thiểu: 20% tổn thất và tối thiểu 2.000.000 đồng/vụ, tùy số nào lớn hơn.

4. ĐKBS04-XCG: Bảo hiểm tổn thất của động cơ khi xe hoạt động trong khu vực bị ngập nước

a. Quyền lợi bảo hiểm:

VASS sẽ trả tiền bồi thường chi phí sửa chữa, thay thế (trường hợp không thể sửa chữa được) những thiệt hại thực tế của động cơ do xe hoạt động trong vùng đang bị ngập nước hoặc nước lọt vào động cơ gây ra hiện tượng thủy kích.

- b. Mức khấu trừ: 20% số tiền bồi thường và tối thiểu 3.000.000 đồng/vụ, tùy thuộc vào số nào lớn hơn.

5. ĐKBS05-XCG: Bảo hiểm thuê xe trong thời gian sửa chữa (bảo hiểm gián đoạn sử dụng xe)

a. Điều kiện xe tham gia bảo hiểm:

- Xe ô tô chở người không kinh doanh vận tải dưới 7 chỗ ngồi

b. Quyền lợi bảo hiểm:

- VASS sẽ thanh toán cho chủ xe chi phí thuê xe sử dụng trong thời gian sửa chữa do tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm, không tính thời gian xe bị cơ quan chức năng giữ.
- Chi phí thuê xe được thanh toán: Chi phí thuê xe cùng công năng sử dụng, chủng loại tương tự chiếc xe được bảo hiểm của chủ xe; VASS sẽ thanh toán 80% chi phí thuê xe thực tế, không quá 500.000 đồng/ngày.
- Thời gian thanh toán chi phí thuê xe tối đa không quá: 30 ngày/năm bảo hiểm.

c. Mức miễn thường có khấu trừ:

Chi phí thuê xe 4 ngày tính từ ngày xảy ra tổn thất tính cả thời gian bị cơ quan chức năng thu giữ.

6. ĐKBS06-XCG: Bảo hiểm vật chất xe cơ giới ngoài lãnh thổ Việt Nam

a. Điều kiện tham gia bảo hiểm:

Chủ xe cơ giới có Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với xe cơ giới tham gia bảo hiểm theo quy định của pháp luật giao thông đường bộ;

b. Điều kiện triển khai bảo hiểm vật chất xe cơ giới ngoài lãnh thổ Việt Nam:

VASS có đại diện được ủy quyền giám sát việc thực hiện hợp đồng bảo hiểm, cụ thể: thu thập hồ sơ, tài liệu vụ tổn thất; giám định hiện trường vụ tổn thất hoặc phối hợp với cơ quan liên quan thực hiện...

c. Quyền lợi bảo hiểm:

VASS bồi thường các tổn thất về xe cơ giới trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia xe cơ giới Việt Nam được phép tham gia giao thông.

d. Loại trừ bảo hiểm:

Mất xe do bị trộm hoặc cướp tại các quốc gia tham gia bảo hiểm (ngoài lãnh thổ Việt Nam).

7. ĐKBS07-XCG: Bảo hiểm vật chất xe cơ giới lưu hành tạm thời

- a. Phạm vi bảo hiểm: Tổn thất về xe cơ giới lưu hành trong thời gian từ xưởng sản xuất đến nơi giao nhận xe, hoặc từ kho hải quan đến nơi giao nhận xe.

b. Điều kiện tham gia bảo hiểm:

Điều khoản này áp dụng cho xe mới xuất xưởng và xe nhập khẩu:

- Xe mới xuất xưởng phải có Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng;
- Xe nhập khẩu từ kho, cảng phải có Chứng chỉ chất lượng xe nhập khẩu và hồ sơ hoàn tất thủ tục hải quan;

c. Thời hạn bảo hiểm: Không quá 15 ngày (trừ khi có thỏa thuận khác);

d. Loại trừ bảo hiểm: Xe bị tổn thất do lỗi kỹ thuật.

8. ĐKBS08-XCG: Bảo hiểm xe ô tô và xe máy chuyên dùng

Quyền lợi bảo hiểm: VASS đồng ý mở rộng bồi thường cho những hư hỏng hay tổn thất đối với các thiết bị chuyên dùng trên xe cơ giới và/hoặc tổn thất đối với xe cơ giới do hoạt động (trong mọi trường hợp) của các thiết bị chuyên dùng của chính xe cơ giới gây ra.

Tuy nhiên, VASS sẽ không bồi thường cho các trường hợp sau:

- Xe cơ giới chuyên dùng không bảo đảm an toàn kỹ thuật theo quy định của pháp luật;
- Người điều khiển thiết bị chuyên dùng không có Giấy phép/Chứng chỉ điều khiển thiết bị chuyên dùng phù hợp theo quy định của pháp luật;
- Người điều khiển thiết bị chuyên dùng cố ý vi phạm các quy định, quy trình vận hành thiết bị chuyên dùng.

9. ĐKBS09-XCG: Bảo hiểm vật chất đối với xe miễn thuế, tạm nhập, tái xuất

a. Điều kiện tham gia bảo hiểm:

- Xe tạm nhập vào Việt Nam sau đó xuất sang nước ngoài.
- Xe miễn thuế
- Xe của cơ quan ngoại giao

b. Quyền lợi bảo hiểm

- Trường hợp xe bị tổn thất bộ phận: VASS bồi thường chi phí thực tế hợp lý để sửa chữa, thay thế (trường hợp không thể sửa chữa được) bộ phận hoặc trả bằng tiền cho chủ xe cơ giới để bù đắp tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm trên cơ sở xe tham gia bảo hiểm đúng giá trị với số tiền bảo hiểm tương đương với xe cùng loại đã tính các loại thuế.
- Trường hợp xe bị tổn thất toàn bộ hay toàn bộ ước tính: VASS bồi thường cho chủ xe số tiền bằng giá trị tham gia bảo hiểm (giá chưa tính các loại thuế) của chiếc xe đó tại thời điểm xe bị thiệt hại.

c. Điều kiện bồi thường: Xe phải được sửa chữa trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

PHỤ LỤC 2

BIỂU PHÍ BẢO HIỂM VẬT CHẤT XE CƠ GIỚI

1. Biểu phí cơ bản (đã bao gồm VAT)

TT	Loại/dòng xe ô tô	Thời gian sử dụng xe ô tô			
		Dưới 3 năm	Từ 3 năm đến dưới 6 năm	Từ 6 năm đến dưới 10 năm	Từ 10 năm trở lên
I	Xe chở hàng				
1	Rơ moóc	1,1%	1,3%	1,5%	1,8%
2	Xe kinh doanh vận tải hàng hóa;	2,0%	2,2%	2,4%	2,6%
	Xe tải trên 10 tấn	2,0%	2,2%	2,4%	2,6%
3	Xe đầu kéo	2,8%	2,9%	3,1%	3,5%
	Xe đông lạnh trên 3,5 tấn	2,8%	2,9%	3,1%	3,5%
	Xe tải hoạt động trong vùng khai thác khoáng sản	2,8%	2,9%	3,1%	3,5%
4	Xe chở hàng còn lại	1,7%	1,8%	2,0%	2,2%
	KKD chở hàng	1,7%	1,8%	2,0%	2,2%
	Tải Ben	1,7%	1,8%	2,0%	2,2%
	Xe đông lạnh từ dưới 3,5 tấn	1,7%	1,8%	2,0%	2,2%
II	Xe chở người				
1	Xe không kinh doanh	1,7%	1,8%	2,0%	2,2%
	Xe bus	1,7%	1,8%	2,0%	2,2%
	Xe tập lái	1,7%	1,8%	2,0%	2,2%
	Xe hoạt động trong nội bộ cảng, khu công nghiệp, sân bay.	1,7%	1,8%	2,0%	2,2%
2	Xe kinh doanh vận tải hành khách liên tỉnh	2,2%	2,4%	2,6%	2,8%
	Xe kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	1,8%	2,0%	2,2%	2,4%
3	Xe taxi,	2,9%	3,1%	3,3%	3,5%
	xe cho thuê tự lái	2,9%	3,1%	3,3%	3,5%
4	Xe kinh doanh chở người còn lại	1,8%	2,0%	2,2%	2,4%
	Xe chuyên dùng	1,8%	2,0%	2,2%	2,4%
	Xe cứu thương	1,8%	2,0%	2,2%	2,4%
	Xe chở tiền	1,8%	2,0%	2,2%	2,4%
	Xe kinh doanh tương tự Uber, Grab	1,8%	2,0%	2,2%	2,4%
III	Xe vừa chở người vừa chở hàng				
1	Xe bán tải (pick-up)	2,0%	2,2%	2,4%	2,6%
2	Xe vừa chở người vừa chở hàng còn lại	1,7%	1,8%	2,0%	2,2%

Tất cả các xe trên 15 năm không nhận bảo hiểm, ngoại trừ các trường hợp sau (tối đa

không quá 20 năm):

- Xe thuộc cơ quan hành chính - sự nghiệp
- Số lượng tham gia bảo hiểm trên 10 xe
- Tỷ lệ phí áp dụng: tăng tối thiểu 10% so với phí chuẩn của xe cùng chủng loại có niên hạn từ 10 - 15 năm

Thời gian sử dụng xe là khoảng thời gian tính từ tháng đăng ký lần đầu tại Việt Nam đến tháng giao kết hợp đồng bảo hiểm. Đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng ở nước ngoài, thì thời gian sử dụng tính từ tháng một của năm sản xuất đến tháng giao kết hợp đồng bảo hiểm.

2. Phụ phí khi tham gia các điều khoản bảo hiểm bổ sung

ĐKBS/TUỔI XE	Dưới 3 năm	Từ 3 năm đến 5 năm	Từ 6 năm đến 9 năm	Từ 10 năm đến 15 năm
ĐKBS01-XCG_Thay thế mới	0%	+ 0,1%	+ 0,1%	+ 0,2%
Lưu ý:			Không nhận xe Taxi; xe buýt	Không nhận xe taxi; xe buýt; xe đầu kéo
ĐKBS02-XCG_Lựa chọn cơ sở sửa chữa	0%	+ 0,1%	+ 0,2%	Không bảo hiểm
Lưu ý: giá trị xe > 03 tỷ, xe xuất xứ Châu Âu	+ 0.1%	+ 0,2%	+ 0,3%	
ĐKBS03-XCG_Mất cắp bộ phận	+ 0,20%			
ĐKBS04-XCG_Thiệt hại động cơ do ngập nước	+ 0,1%	+ 0,1%	+ 0,1%	+ 0,2%
ĐKBS05-XCG_Thuê xe trong thời gian sửa chữa	600.000 đồng/xe/năm			
ĐKBS06-XCG_Ngoài lãnh thổ Việt Nam	+ 50% phí bảo hiểm cơ bản			
ĐKBS07-XCG_Lưu hành tạm thời	1,5% tính theo số ngày tham gia bảo hiểm			
ĐKBS08-XCG_Bảo hiểm xe ô tô và xe máy chuyên dùng	+ 0,1%			
ĐKBS09-XCG_Bảo hiểm vật chất đối với xe miễn thuế, tạm nhập, tái xuất	4% tính theo số ngày tham gia bảo hiểm			

3. Giảm phí khi tham gia mức miễn thường có khấu trừ

Mức miễn thường có khấu trừ	Giảm Phí
-----------------------------	----------

(VNĐ)	
1.000.000	10%
2.000.000	15%
3.000.000	20%
4.000.000	25%
5.000.000	30%

4. Chính sách giảm phí cho khách hàng ít tổn thất và nhiều xe

4.1 Đối với khách hàng cá nhân:

- **Tham gia mới lần đầu:** Khách hàng khai thác qua hệ thống ngân hàng, salon xe, hợp tác xã du lịch có ký hợp đồng hợp tác liên kết; cổ đông công ty, cán bộ nhân viên công ty áp dụng tỷ lệ giảm phí tối đa 10% so với phí chuẩn.
- **Tái tục:**

Không tổn thất	Tỷ lệ giảm phí tối đa
1 năm	10%
2 năm liên tục	20%
Từ trên 3 năm liên tục	30%

- ✓ Lưu ý: Tỷ lệ giảm phí cộng dồn không được vượt quá 30% cho một hợp đồng bảo hiểm.

4.2 Đối với khách hàng Tổ chức/Công ty có số lượng xe ≥ 05 xe:

- Theo số lượng xe tham gia bảo hiểm

Số lượng xe	Tỷ lệ giảm phí tối đa
05 xe \leq Số lượng xe \leq 15 xe	10%
15 xe $<$ Số lượng xe \leq 30 xe	15%
30 xe $<$ Số lượng xe \leq 50 xe	20%
50 xe $<$ Số lượng xe	25%

- Theo tình hình tổn thất

Tỷ lệ tổn thất/năm	Tỷ lệ giảm phí tối đa
5% \leq Tỷ lệ tổn thất	20%
5% $<$ Tỷ lệ tổn thất \leq 10%	15%
10% $<$ Tỷ lệ tổn thất \leq 20%	10%
20% $<$ Tỷ lệ tổn thất \leq 30%	5%

- ✓ Lưu ý:

- Khách hàng tham gia lần đầu chỉ tính theo điều kiện số lượng xe
- Đối với khách hàng là tổ chức/công ty tham gia bảo hiểm có số lượng xe ≥ 5 xe tỷ lệ tổn thất được tính trên tổng xe, không áp dụng riêng từng xe.

- Trong mọi trường hợp tỷ lệ giảm phí cộng dồn không được vượt quá 30% cho một hợp đồng bảo hiểm.

5. Chính sách tăng phí do tổn thất

5.1 Đối với khách hàng cá nhân:

Tỷ lệ tổn thất	Tăng phí tối thiểu cho năm kế tiếp
Dưới 100%	0%
Từ 100% gần đến 200%	10%
Từ 200% gần đến 300%	20%
Từ 300% gần đến 400%	30%
Từ 400% gần đến 500%	40%
Từ 500% gần đến 600%	50%
Từ 600% gần đến 700%	60%
Từ 700% gần đến 800%	70%
Từ 800% gần đến 900%	80%
Từ 900% gần đến 1000%	90%

Tổn thất 4 lần/ năm hoặc Tổn thất liên tục 4 năm: từ chối bảo hiểm

5.2 Đối với khách hàng tổ chức/công ty và số lượng xe ≥ 05 xe:

Tỷ lệ tổn thất	Tăng phí tối thiểu
Dưới 50%	0%
Từ 50% đến 100%	10%
Từ trên 100%	Từ chối bảo hiểm

6. QUY ĐỊNH TĂNG, GIẢM PHÍ:

Quy định tăng phí: Tùy theo tình hình kinh doanh, Công ty sẽ quyết định tăng phí bảo hiểm để đảm bảo hiệu quả kinh doanh nghiệp vụ.

Quy định giảm phí: Tùy theo tình hình kinh doanh, Công ty sẽ quyết định giảm phí bảo hiểm. Trong mọi trường hợp giảm phí bảo hiểm, mức phí bảo hiểm vật chất xe ô tô áp dụng sau khi giảm không thấp hơn mức phí bảo hiểm thuần, cụ thể:

- Đối với thời hạn bảo hiểm 01 năm, mức phí thuần là mức phí được Bộ Tài chính công bố tại Quyết định số 1201/QĐ-BTC ngày 28/6/2017.
- Đối với thời hạn bảo hiểm khác 01 năm, mức phí thuần được tính theo công thức:

$$\text{Phí bảo hiểm thuần cho thời hạn bảo hiểm khác 01 năm} = \frac{\text{Phí bảo hiểm thuần do BTC công bố}}{365 (\text{ngày})} \times \text{Thời hạn bảo hiểm (ngày)}$$